TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23/01/2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Sầm Dắt Phắn**
2. Ông **Hoàng Xuân Mẫn**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Quách Kim Lân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số thụ lý số 354/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu N** - sinh năm 1993.
HKTT: ấp H, xã N, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ liên hệ: ấp B , xã L, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: **Trần Ngọc Q** - sinh năm 1989.
HKTT: ấp H, xã N, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.
(Chị N có mặt; anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/09/2017; bản tự khai ngày 23/10/2017; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và biên bản hòa giải ngày 15/11/2017 và ngày 01/12/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Q tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/06/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 4/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q đi làm xa và có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm đến vợ con vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột với nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm gia đình ngày càng lạnh nhạt. Chị đã nhờ gia đình hai bên hòa giải nhưng không níu kéo hạnh phúc gia

đình được nên chị và anh Q đã sống ly thân từ tháng 8/2014 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm gia đình không thể hàn được tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Nguyễn Khánh A sinh ngày 02/01/2014. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Ngọc Q: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Q vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của anh Q.

Tại phiên Tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

1) Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu N. Cho chị N được ly hôn với anh Trần Ngọc Q.

2) Về con chung: Giao con chung tên Trần Nguyễn Khánh A sinh ngày 02/01/2014 cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn, tạm thời miễn cho anh Q nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3) Về tài sản chung; nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Trần Ngọc Q hiện cư trú tại ấp H, xã N, huyện Q, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị N yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Q nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Thu N là nguyên đơn; anh Trần Ngọc Q là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Ngọc Q nhưng anh Q vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do chính đáng vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về hôn nhân: Qua việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương các biên bản xác minh ngày 24/10/2017 (*từ BL 27-29*) cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện chị N và anh Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/06/2013. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống; chị N và anh Q hiện sống ly thân với nhau. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng quy định "*Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*". Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị N, anh Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N yêu cầu ly hôn nên chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh Q. Theo quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Chị N và anh Q có 01 con chung tên là Trần Nguyễn Khánh A sinh ngày 02/01/2014. Qua việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương các biên bản xác minh ngày 24/10/2017 (*từ BL 27-29*), trong thời gian vợ chồng sống ly thân cháu A được chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị N hiện nay đang làm công nhân tại Công ty Đồng Phú Cường, có thu nhập ổn định; cháu A thì đang đi học tại trường Mầm non La Ngà, đang phát triển bình thường và khỏe mạnh (*từ BL 22-26*). Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Trần Nguyễn Khánh A cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn. Tạm thời miễn cho anh Q nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Q có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu N. Chị Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với anh Trần Ngọc Q.

2) Về con chung: Giao con chung Trần Nguyễn Khánh A cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn. Tạm thời miễn cho anh Q nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Q có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3) Về tài sản chung; nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 004397 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q. Chị N đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Thu N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Ngọc Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Q;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngọc Định.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tuấn